

Số: 118/2023/QĐST-HNGĐ

Phan Rang- Tháp Chàm, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 516/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Tống Đức A, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

(Các bên đương sự đều có mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tống Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 16/12/2009. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông A, bà H không đồng ý trở về chung sống đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông A và bà H có 02 con chung tên: Tống Linh Kh, sinh ngày 06/10/2010 và Tống Kiên Đ, sinh ngày 01/01/2020. Khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

2.500.000 đồng/tháng/01 con. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Tổng Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Tổng Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H.

- Về con chung: Ông Tổng Đức A đồng ý giao 02 con chung tên Tổng Linh Kh, sinh ngày 06/10/2010 và Tổng Kiên Đ, sinh ngày 01/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Tổng Đức A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/01 con. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2023 cho đến khi cháu Khuê và cháu Đức đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên còn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Ông Tổng Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Tổng Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm ông A và bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005642 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan

Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Tống Đức A và bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PRTC;
- Chi cục THADS TP. PRTC;
- UBND phường Bảo An (GCN
kết hôn số 113 ngày 16/12/2009;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hùng